

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN QUẾ PHONG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 27

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Minh Cường	Chủ tịch
Ông Thái Phong Nhã	Phó Chủ tịch (bỏ nhiệm ngày 09 tháng 01 năm 2014)
Ông Đoàn Kim Đồng	Ủy viên
Ông Nguyễn Xuân Nghiêm	Ủy viên
Ông Tăng Văn Chúc	Ủy viên
Bà Đặng Thị Tươi	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 09 tháng 01 năm 2014)
Ông Ngô Thành Phước	Ủy viên
Ông Bùi Lê Quang	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Đoàn Kim Đồng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Nghiêm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Văn Trung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Bất Hùng	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nếu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

W.V. / 201
T
H
Á
M
I
C
T

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,




Đoàn Kim Đồng
Tổng Giám đốc
Ngày 11 tháng 03 năm 2014

13/03/2014
HỒ TÀI CHÍNH



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ : Phòng 3203, Tầng 32, Nhà 34T, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.
Address: Room 3203, 32th Floor, 34T Building, Trung Hoa - Nhan Chinh, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.
Tel: +84.4 222 12 891 Fax: +84.4 222 12 892 Email: ifc@ifcvieta.com.vn Website: www.ifcvieta.com.vn

Số: 3560/2014/BCKT- IFC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 11 tháng 03 năm 2014, từ trang 5 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cùng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Không thông nhất trong xử lý kế toán:

- Công ty đang ghi nhận một phần chi phí lãi vay phát sinh trước năm 2013 và trong năm 2013 với số tiền lần lượt là 15.634.326.241 đồng, 2.991.477.273 đồng vào khoản mục "Chi phí trả trước dài hạn" (mã số 261) trên Bảng Cân đối kế toán thay vì ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm. Việc ghi nhận như vậy là chưa tuân thủ Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Nếu Công ty ghi nhận khoản chi phí lãi vay trên vào chi phí trong năm thì trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2013, chỉ tiêu "Chi phí tài chính" sẽ tăng là 2.991.477.273 đồng, chỉ tiêu "Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp" sẽ giảm đi tương ứng, và chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" (mã số 420) trên Bảng Cân đối kế toán tại ngày 01 tháng 01 năm 2013 sẽ giảm 15.634.326.241 đồng.



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)


- Công ty đang ghi nhận nguyên giá của tổ hợp thủy điện Bản Cốc với số tiền là 366.487.883.229 đồng vào khoản mục "Tài sản cố định hữu hình" (mã số 222) trên Bảng Cân đối kế toán. Tuy nhiên, theo hồ sơ quyết toán, giá trị tổ hợp tài sản của Thủy điện Bản Cốc là 408.146.610.270 đồng. Việc ghi nhận như vậy là chưa tuân thủ Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Nếu Công ty ghi nhận đầy đủ giá trị tổ hợp tài sản cố định của Thủy điện Bản Cốc thì khoản mục "Nguyên giá tài sản cố định" và "Phải trả người bán" sẽ tăng lên tương ứng số tiền là 41.658.727.041 đồng. Chúng tôi không đưa ra ý kiến về việc ghi nhận giá trị tổ hợp tài sản cố định của Thủy điện Bản Cốc cũng như những ảnh hưởng của chúng tới Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty.
- Công ty ghi nhận giá trị xi măng xuất dùng cho công trình Thủy điện Sao Va từ năm 2009 với số tiền là 581.852.813 đồng vào khoản mục "Tài sản ngắn hạn khác" (mã số 158) trên Bảng cân đối kế toán mà không có biên bản giao nhận cũng như không xác nhận được đối tượng. Chúng tôi không đưa ra ý kiến về việc ghi nhận giá trị tài sản thiếu chờ xử lý nêu trên cũng như ảnh hưởng của chúng tới Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề không thống nhất trong xử lý kế toán nêu trên, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2 của Thuyết minh Báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính kèm theo được lập với giả định Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trên cơ sở liên tục. Báo cáo tài chính kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể có do ảnh hưởng phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này.




Khúc Đình Dũng
Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0748- 2013-072-01
Thay mặt và đại diện cho
**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn
Tài chính Quốc tế (IFC)**
Hà Nội, ngày 11 tháng 03 năm 2014



Nguyễn Thị Thanh Hoa
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1402-2013-072-01

AMNH
10.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		38.058.974.669	43.719.888.204
I. Tiền và khoản tương đương tiền	110		2.864.851.740	2.640.172.946
1. Tiền	111	V.1	2.864.851.740	2.640.172.946
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		33.583.768.640	38.863.017.865
1. Phải thu của khách hàng	131		14.336.347.688	19.539.310.474
2. Trả trước cho người bán	132		18.928.690.453	19.297.853.924
3. Các khoản phải thu khác	135		318.730.499	25.853.467
III. Hàng tồn kho	140		600.000.000	600.000.000
1. Hàng tồn kho	141	V.2	600.000.000	600.000.000
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.010.354.289	1.616.697.393
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		276.815.138	280.916.805
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.3	32.710.285	32.710.285
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.4	700.828.866	1.303.070.303
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		394.888.327.355	408.452.228.545
I. Tài sản cố định	220		374.507.817.619	392.740.349.804
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	331.686.550.479	353.775.780.741
- Nguyên giá	222		414.157.014.014	410.334.101.335
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(82.470.463.535)	(56.558.320.594)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.6	99.917.808	-
- Nguyên giá	228		278.000.000	173.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(178.082.192)	(173.000.000)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.7	42.721.349.332	38.964.569.063
II. Tài sản dài hạn khác	260		20.380.509.736	15.711.878.741
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	20.345.555.736	15.711.878.741
2. Tài sản dài hạn khác	268		34.954.000	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		432.947.302.024	452.172.116.749

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		295.146.492.716	308.896.049.321
I. Nợ ngắn hạn	310		168.347.492.716	144.776.049.321
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.9	33.053.209.741	22.801.000.000
2. Phải trả người bán	312		48.669.897.991	47.984.467.477
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10	1.084.083.792	6.372.732.983
4. Phải trả người lao động	315		683.837.976	1.382.456.975
5. Chi phí phải trả	316	V.11	79.493.512.481	61.574.655.683
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.12	5.362.950.735	4.660.736.203
II. Nợ dài hạn	330		126.799.000.000	164.120.000.000
1. Vay và nợ dài hạn	334	V.13	126.799.000.000	164.120.000.000
B. NGUỒN VỐN	400		137.800.809.308	143.276.067.428
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	137.800.809.308	143.276.067.428
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		185.831.000.000	185.831.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(48.541.720.692)	(43.066.462.572)
3. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		511.530.000	511.530.000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		432.947.302.024	452.172.116.749



Đoàn Kim Đông
 Tổng Giám đốc
 Ngày 11 tháng 03 năm 2014

Trần Thị Thúy
 Phó phòng kế toán

Trần Thị Thúy
 Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL1	56.675.071.690	41.264.643.632
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		56.675.071.690	41.264.643.632
4. Giá vốn hàng bán	11	VL2	41.634.368.926	34.965.899.084
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		15.040.702.764	6.298.744.548
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		13.969.775	41.809.990
7. Chi phí tài chính	22	VL3	18.859.134.817	31.762.595.916
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		18.725.900.389	31.762.595.916
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3.712.585.536	3.453.599.714
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(7.517.047.814)	(28.875.641.092)
10. Thu nhập khác	31	VL4	6.996.585.827	38.317.816.511
11. Chi phí khác	32	VL5	4.954.796.133	27.603.211.516
12. Lợi nhuận khác	40		2.041.789.694	10.714.604.995
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(5.475.258.120)	(18.161.036.097)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VL7	-	-
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(5.475.258.120)	(18.161.036.097)
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VL8	(295)	(947)



Đoàn Kim Đồng
Tổng Giám đốc
Ngày 11 tháng 03 năm 2014

Trần Thị Thúy
Phó phòng kế toán

Trần Thị Thúy
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2013	Năm 2012
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	73.603.966.368	51.731.514.855
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(12.847.887.780)	(10.378.877.161)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(5.208.237.000)	(3.164.148.000)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(3.327.781.905)	(7.504.808.887)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	747.663.008	-
6. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(15.736.369.026)	(6.237.319.971)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	37.231.353.665	24.446.360.836
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(9.951.854.387)	(865.874.426)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	-	23.588.412.000
		(300.000.000)	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24	300.000.000	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	13.969.775	41.809.990
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(9.937.884.612)	22.764.347.564
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	2.370.000.000
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(27.068.790.259)	(47.659.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(27.068.790.259)	(45.289.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	224.678.794	1.921.708.400
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	2.640.172.946	718.464.546
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	2.864.851.740	2.640.172.946



Đoàn Kim Đồng
Tổng Giám đốc
Ngày 11 tháng 03 năm 2014

Trần Thị Thúy
Phó phòng kế toán

Trần Thị Thúy
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2900687702 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 26 tháng 07 năm 2005 và các lần sửa đổi.

Vốn điều lệ và vốn pháp định của Công ty lần lượt là 445.000.000.000 đồng (bốn trăm bốn mươi lăm tỷ đồng) và 6.000.000.000 đồng (sáu tỷ đồng).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 91 người (31 tháng 12 năm 2012: 87 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện, chi tiết: Sản xuất, kinh doanh điện năng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: chi tiết: Xây dựng các công trình đường dây và trạm biến áp đến 220 KV; và
- Sửa chữa thiết bị khác, chi tiết: Sửa chữa, bảo dưỡng các nhà máy thủy điện;...

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỸ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 được lập trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục. Như đã trình bày trên Báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 tổng số công nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tổng tài sản ngắn hạn với số tiền là 129.123.337.350 đồng (năm 2012: 101.056.161.117 đồng) (bao gồm khoản vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm tới). Lỗ lũy kế của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 47.376.539.995 đồng (năm 2012: 43.066.462.572 đồng). Các yếu tố này gây ra nghi ngờ về tính hoạt động liên tục cho Công ty. Tuy nhiên, Hội đồng Quản trị đã thông qua phương án cơ cấu lại thời hạn trả nợ đối với dự án Nhà máy thủy điện Sao Va, tái cơ cấu Công ty nhằm ổn định sản xuất kinh doanh và nguồn thu từ dự án đảm bảo đủ trả nợ và có tích lũy cho doanh nghiệp. Đồng thời, Theo kế hoạch của Hội đồng Quản trị trong năm tới Công ty sẽ có phương án tái khởi động Dự án Nhạn Hạc, thông báo cổ đông sáng lập và cổ đông hiện hữu tiếp tục góp đủ vốn điều lệ còn thiếu. Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng một số khoản nợ và vay đến hạn trả sẽ được gia hạn và tình hình nợ sẽ không ảnh hưởng nhiều tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong thời gian tới. Theo đó, Ban Giám đốc Công ty cho rằng Báo cáo tài chính kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là hợp lý.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung trên máy vi tính

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Dự phòng phải thu và dự phòng nợ khó đòi trích lập dự phòng theo Thông tư số 228/2011/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2013
	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	10
Tổ hợp thủy điện Bản Cốc, Sao Va	10 - 25
Phương tiện vận tải	05 - 10
Tài sản khác	03 - 05

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm kế toán và quyền khai thác mỏ đá Pù Càng tại xã Quế Sơn, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An. Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 05 năm đến 06 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và chi phí lãi vay trong năm treo lại chưa được phân bổ.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.



Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN QUẾ PHONG

Thị trấn Kim Sơn, huyện Quế Phong

Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. TIỀN**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt	1.572.949	45.240.050
Tiền gửi ngân hàng	2.863.278.791	2.594.932.896
Cộng	2.864.851.740	2.640.172.946

2. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí SXKD dở dang	600.000.000	600.000.000
Cộng	600.000.000	600.000.000

3. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế TNDN nộp thừa	32.710.285	32.710.285
Cộng	32.710.285	32.710.285

4. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tạm ứng cho công nhân viên	118.976.053	604.285.727
Tài sản thiếu chờ xử lý	581.852.813	698.784.576
Cộng	700.828.866	1.303.070.303

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN QUẾ PHONG

Thị trấn Kim Sơn, huyện Quế Phong

Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***5. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Tổ hợp thủy điện Bán Cốc, Sao Va	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2013	678.042.909	407.629.340.623	1.556.544.104	470.173.699	410.334.101.335
Mua trong năm		-		49.254.546	49.254.546
XDCB hoàn thành	2.268.056.484	1.998.279.894	-		4.266.336.378
Giảm khác		60.250.000		432.428.245	492.678.245
Tại ngày 31/12/2013	<u>2.946.099.393</u>	<u>409.567.370.517</u>	<u>1.556.544.104</u>	<u>87.000.000</u>	<u>414.157.014.014</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2013	362.771.893	55.049.240.140	797.414.866	348.893.695	56.558.320.594
Khấu hao trong năm	182.139.193	25.870.098.110	184.830.045	63.660.404	26.300.727.753
Giảm khác	-	-	-	388.584.812	388.584.812
Tại ngày 31/12/2013	<u>544.911.086</u>	<u>80.919.338.250</u>	<u>982.244.911</u>	<u>23.969.287</u>	<u>82.470.463.535</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2013	<u>315.271.016</u>	<u>352.580.100.483</u>	<u>759.129.238</u>	<u>121.280.004</u>	<u>353.775.780.741</u>
Tại ngày 31/12/2013	<u>2.401.188.307</u>	<u>328.648.032.267</u>	<u>574.299.193</u>	<u>63.030.713</u>	<u>331.686.550.479</u>

Như trình bày tại Thuyết minh số V.13, Công ty đã thế chấp tài sản cố định với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 295.509.821.027 VND để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

6. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính	Quyền chuyển nhượng mở đá	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2013	173.000.000		173.000.000
Mua trong năm	-		-
Tăng khác		105.000.000	105.000.000
Tại ngày 31/12/2013	<u>173.000.000</u>	<u>105.000.000</u>	<u>278.000.000</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2013	173.000.000		173.000.000
Khấu hao trong năm		5.082.192	5.082.192
Tại ngày 31/12/2013	<u>173.000.000</u>	<u>5.082.192</u>	<u>178.082.192</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2013	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
Tại ngày 31/12/2013	<u>-</u>	<u>99.917.808</u>	<u>99.917.808</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN QUẾ PHONG

Thị trấn Kim Sơn, huyện Quế Phong

Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MAU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***7. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công trình Nhà máy Thủy điện Bán Cốc	-	69.174.501
Công trình Nhà máy Thủy điện Sao Va	-	843.499.418
Công trình Nhà máy Thủy điện Nhuận Hạc	39.628.416.010	35.693.649.049
Khu điều dưỡng Cửa Lò	1.742.768.981	1.738.208.981
Trụ sở công ty	845.798.673	542.385.081
Công trình mỏ đá Pù Càng	504.365.668	77.652.033
Cộng	42.721.349.332	38.964.569.063

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công cụ dụng cụ chưa phân bổ	1.719.752.222	77.552.500
Chi phí lãi vay treo lại	18.625.803.514	15.634.326.241
Cộng	20.345.555.736	15.711.878.741

9. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vay ngắn hạn	17.000.000.000	18.800.000.000
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	17.000.000.000	18.800.000.000
<i>Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội (i)</i>	<i>17.000.000.000</i>	<i>17.000.000.000</i>
<i>Vay cá nhân</i>	<i>-</i>	<i>1.800.000.000</i>
Nợ dài hạn đến hạn trả	16.053.209.741	4.001.000.000
Ngân hàng ĐT&PT Chi nhánh Quang Trung	9.300.000.000	-
Ngân hàng ĐT&PT Chi nhánh Phú Quỳnh	6.753.209.741	4.001.000.000
Cộng vay và nợ ngắn hạn	33.053.209.741	22.801.000.000

(i) Vay ngắn hạn thể hiện khoản vay từ Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội theo các hợp đồng vay vốn sau:

- Công văn số 245/ĐQP-ICKT ngày 25 tháng 06 năm 2010 của Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong về việc vay của Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội để thi công dự án Nhuận Hạc với số tiền là 6 tỷ đồng. Khoản vay này được tính lãi từ ngày 30 tháng 06 năm 2010 (thời điểm Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội chuyển tiền cho Thủy điện Quế Phong) đến ngày 31 tháng 07 năm 2010 (thời điểm Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong phê chuẩn việc tăng vốn điều lệ bổ sung đợt II). Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.
- Hợp đồng vay vốn ngày 27 tháng 1 năm 2011, ngày 25 tháng 1 năm 2011 và ngày 28 tháng 8 năm 2013, tổng số tiền vay là 11 tỷ đồng, để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay của các khoản vay này dưới 12 tháng. Khoản vay này bằng Đồng Việt Nam. Khoản vay này không có đảm bảo và chịu lãi suất theo lãi suất cho vay ngắn hạn của ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội tại thời điểm vay tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	139.320.030	5.664.495.414
Thuế thu nhập cá nhân	-	14.219.011
Thuế tài nguyên	21.341.581	587.402.647
Tiền thuế đất	41.642.500	-
	881.779.681	106.615.911
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác (*)		
Cộng	1.084.083.792	6.372.732.983

(*) Là số tiền phạt theo quyết định xử lý vi phạm hành chính pháp luật về thuế của Cục thuế tỉnh Nghệ An.

11. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Lãi vay phải trả	76.839.677.776	58.079.874.303
Chi phí phải trả khác	2.653.834.705	3.494.781.380
Cộng	79.493.512.481	61.574.655.683

12. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	45.490.701	93.004.632
Bảo hiểm xã hội	80.686.422	273.455.712
Bảo hiểm y tế	13.327.641	13.010.324
Bảo hiểm thất nghiệp	5.923.240	5.433.990
Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.217.522.731	4.275.831.545
Cộng	5.362.950.735	4.660.736.203

13. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung (*)	107.700.000.000	139.700.000.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Quý (**)	19.099.000.000	24.420.000.000
Cộng	126.799.000.000	164.120.000.000

13. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

- (*) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 06.1034329.02/HDTD ngày 14 tháng 11 năm 2006. Theo hợp đồng tín dụng, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Quang Trung (với tư cách là ngân hàng đầu mối, đại lý Nhận tài sản bảo đảm và Bên cho vay), Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (với tư cách là Bên cho vay), Ngân hàng INDOVINA - chi nhánh Hà Nội (với tư cách là Bên cho vay) và Công ty Tài chính Bưu điện (với tư cách là Bên cho vay) với tổng số tiền tối đa có thể rút là 220 tỷ VND. Thời hạn vay theo hợp đồng này là 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, trong đó thời gian ân hạn nợ gốc là 18 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này sẽ được trả theo từng quý tương ứng với 34 kỳ liên tiếp vào các ngày thanh toán lãi và bắt đầu từ ngày thanh toán lãi của quý thứ bảy kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Kỳ trả nợ gốc cuối cùng là ngày 25 tháng 12 năm 2016..

Công ty sử dụng khoản vay này để thanh toán một phần chi phí đầu tư dự án theo đúng kế hoạch góp vốn và sử dụng vốn đầu tư dự án. Lãi suất của các khoản vay này bằng tổng của lãi suất tham chiếu và 3,6%/năm. "Lãi suất tham chiếu" có nghĩa là, đối với mỗi kỳ hạn tính lãi, mức bình quân của lãi suất huy động tiết kiệm bằng tiền VND kỳ hạn 12 tháng (trả lãi sau) của tất cả các Bên cho vay, được xác định vào ngày xác định lãi suất tương ứng. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% của lãi suất tương ứng áp dụng tại ngày đến hạn đối với số dư nợ gốc quá hạn đó.

Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, các công trình dự án và các bất động sản của bên vay liên quan đến dự án thủy điện và bằng quyền đối với vốn góp của các cổ đông trong bên vay (cho dù đang có hay sẽ hình thành trong tương lai) theo hợp đồng thế chấp quyền đối với vốn góp trong Công ty Cổ phần thủy điện Quế Phong.

- (**) Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Phú Quý theo hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2007/HDTD-SV ngày 12 tháng 8 năm 2007, số tiền cho vay tối đa là 39.815.000.000 đồng. Công ty sử dụng vốn vay để thanh toán một phần chi phí đầu tư dự án nhà máy thủy điện Sao Va tại xã Hạnh Dịch, huyện Quế Phong. Thời hạn vay 9 năm kể từ ngày nhận món tiền vay đầu tiên, lãi suất áp dụng theo nguyên tắc lãi suất thả nổi trên cơ sở lãi suất xác định bằng giá chuyển vốn nội bộ FTP loại kỳ hạn > 60 tháng đối với VND + 3%/năm tại thời điểm xác định, giá chuyển vốn nội bộ FTP loại kỳ hạn > 60 tháng là lãi suất mua vốn dài hạn mà Ngân hàng phải trả cho Hội sở chính Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Công ty sử dụng toàn bộ tài sản hình thành sau đầu tư (bao gồm cả phần vốn tự có tham gia của Công ty) và toàn bộ quyền của Công ty (quyền sử dụng, sở hữu, khai thác tài nguyên dự án,...) liên quan đến Dự án để đảm bảo cho khoản vay này.

T-C
 Y
 UH
 V
 HIN
 X

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN QUẾ PHONG

Thị trấn Kim Sơn, huyện Quế Phong

Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chợ năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***14. VỐN CHỦ SỞ HỮU****a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu VND	Nguồn vốn đầu tư XDCB VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2013	185.831.000.000	511.530.000	(43.066.462.572)	143.276.067.428
Lỗi trong năm	-		(5.475.258.120)	(5.475.258.120)
Tại ngày 31/12/2013	<u>185.831.000.000</u>	<u>511.530.000</u>	<u>(48.541.720.692)</u>	<u>137.800.809.308</u>

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Công ty Tài chính Bưu điện	7.560.000.000	7.560.000.000
Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội	81.837.070.000	81.837.070.000
Công ty CP Xây dựng Lũng Lô II	17.000.000.000	17.000.000.000
Công ty CP Lắp máy Điện nước và Xây dựng	15.900.000.000	15.900.000.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	7.500.000.000	7.500.000.000
Các cổ đông khác	56.033.930.000	56.033.930.000
Cộng	<u>185.831.000.000</u>	<u>185.831.000.000</u>

c. Cổ phiếu

	31/12/2013 Cổ phần	01/01/2013 Cổ phần
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	44.500.000	44.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	18.583.100	18.583.100
- Cổ phiếu phổ thông	18.583.100	18.583.100
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.583.100	18.583.100
- Cổ phiếu phổ thông	18.583.100	18.583.100

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 đồng/1 cổ phần

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN QUẾ PHONG

Thị trấn Kim Sơn, huyện Quế Phong

Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Trong đó:		
- Doanh thu bán điện	56.558.139.927	41.226.461.832
- Doanh thu bán nguyên vật liệu	116.931.763	38.181.800
Cộng	56.675.071.690	41.264.643.632

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Giá vốn bán điện	41.517.437.163	34.927.717.284
Giá vốn bán nguyên vật liệu	116.931.763	38.181.800
Cộng	41.634.368.926	34.965.899.084

3. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lãi tiền vay	18.725.900.389	31.762.595.916
Chi phí tài chính khác	133.234.428	-
Cộng	18.859.134.817	31.762.595.916

4. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Bảo hiểm rủi ro công trình	378.368.096	-
Thu thanh lý tài sản	-	21.444.010.909
Thu lãi trả chậm của công ty Za Hưng	-	11.042.772.710
Thu nhập khác (*)	6.618.217.731	5.831.032.892
Cộng	6.996.585.827	38.317.816.511

(*) Là khoản thu nhập từ việc bán quyền ghi phát thải

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN QUẾ PHONG

Thị trấn Kim Sơn, huyện Quế Phong

Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***5. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Phạt chậm nộp bảo hiểm	47.815.029	86.612.391
Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý	-	19.883.860.300
Phạt chậm trả lãi vay ngân hàng	986.917.578	4.427.053.986
Chi phí tư vấn bán quyền phát thải	1.910.562.712	3.081.468.928
Phạt theo quyết định của cơ quan thuế	1.614.348.082	106.615.911
Chi phí khác	395.152.732	17.600.000
Cộng	4.954.796.133	27.603.211.516

6. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YÊU TỐ

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí nguyên liệu vật liệu	1.357.626.888	116.494.928
Chi phí nhân công	5.758.050.272	5.184.858.628
Chi phí khấu hao tài sản cố định	26.300.727.753	26.162.732.142
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.288.176.437	5.954.220.106
Chi phí khác bằng tiền	4.954.796.133	-
Cộng	51.659.377.483	37.418.305.804

7. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lợi nhuận/(Lỗ) trước thuế	(5.475.258.120)	(18.161.036.097)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	5.475.258.120	-
Trừ: Thu nhập không chịu thuế		
- Chuyển lỗ năm 2012	(6.414.307.602)	
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	11.889.565.722	
- Chi phí lãi vay tương ứng vốn điều lệ góp thiếu		
- Phạt chậm nộp bảo hiểm	47.815.029	
- Phạt theo quyết định của cơ quan thuế	1.614.348.082	
- Chi phí lãi vay của phần vay tương ứng với vốn điều lệ chưa góp đủ	10.227.402.611	
Thu nhập chịu thuế	-	(18.161.036.097)
Thuế suất	25%	28%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm		
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN QUẾ PHONG

Thị trấn Kim Sơn, huyện Quế Phong

Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***8. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	(5.475.258.120)	(18.161.036.097)
Lợi nhuận sau thuế TNDN có thể phân bổ cho cổ đồng sở hữu cổ phiếu	(5.475.258.120)	(18.161.036.097)
Số bình quân giá quyền cổ phiếu phổ thông	18.583.100	18.583.100
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(295)	(977)

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC**1. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số V.9 và V.13 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số IV "Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu" tương ứng.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ tại ngày	
	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền	2.864.851.740	2.640.172.946
Phải thu khách hàng và phải thu khác	14.655.078.187	19.565.163.941
Cộng	17.519.929.927	22.205.336.887
Công nợ tài chính		
Các khoản vay và nợ	159.852.209.741	186.921.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	54.032.848.726	52.645.203.680
Chi phí phải trả	79.493.512.481	61.574.655.683
Cộng	293.378.570.948	301.140.859.363

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một khách hàng lớn là Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yếu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN QUẾ PHONG

Thị trấn Kim Sơn, huyện Quế Phong

Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****1. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 31/12/2013			
Các khoản vay và nợ	33.053.209.741	126.799.000.000	159.852.209.741
Phải trả người bán và phải trả khác	54.032.848.726	-	54.032.848.726
Chi phí phải trả	79.493.512.481	-	79.493.512.481
Tại ngày 01/01/2013			
Các khoản vay và nợ	22.801.000.000	164.120.000.000	186.921.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	52.645.203.680	-	52.645.203.680
Chi phí phải trả	61.574.655.683	-	61.574.655.683

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 31/12/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.864.851.740	-	2.864.851.740
Phải thu khách hàng và phải thu khác	14.655.078.187	-	14.655.078.187
Tại ngày 01/01/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.640.172.946	-	2.640.172.946
Phải thu khách hàng và phải thu khác	19.565.163.941	-	19.565.163.941

171
KẾ
TOÁN
TÀI
C
-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÀU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

<i>Số dư với các bên liên quan:</i>	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Các khoản phải thu	2.293.906.300	2.063.906.300
Công ty Tài chính Bưu điện	-	-
Công ty TNHH Tư vấn TK XD và CN Hà Nội	-	-
Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội	2.063.906.300	2.063.906.300
Công ty CP Xây dựng Lũng Lô II	230.000.000	-
Các khoản phải trả	9.125.382.295	11.256.982.696
Công ty Tài chính Bưu điện	61.840.000	61.840.000
Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội	4.547.847.000	3.382.666.303
Công ty CP Xây dựng Lũng Lô II	-	3.436.364.395
Công ty TNHH Xây dựng Hoàng Long	954.467.502	854.467.502
Công ty CP Lắp máy Điện nước và Xây dựng	3.480.911.700	3.480.911.700
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	80.316.093	40.732.796
Các khoản vay	143.799.000.000	181.120.000.000
Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội	17.000.000.000	17.000.000.000
BIDV CN Quang Trung	107.700.000.000	139.700.000.000
BIDV CN Phù Quý	19.099.000.000	24.420.000.000

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

Thu nhập của Ban Giám đốc	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lương	564.620.000	350.484.000
Thưởng	-	-
Các khoản phúc lợi khác	72.000.000	-
Cộng	636.620.000	350.484.000

3. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KÊ TOÁN

Nghị quyết Hội đồng Quản trị Công ty ngày 09 tháng 01 năm 2014 đã thông qua việc đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty trên thị trường Upcom.

4. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ**a. Bản chất sai sót**

Ngày 25 tháng 06 năm 2010, Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong đã gửi Công văn số 245/TĐQP-TCKT cho Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội về việc vay vốn thi công dự án Nhận Hạc. Ngày 30 tháng 06 năm 2010, Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội đã chuyển cho Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong vay số tiền là 6 tỷ đồng với chủ trương sẽ chuyển góp vốn điều lệ đợt II năm 2010 theo như Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong phê chuẩn tang vốn điều lệ bổ sung đợt II. Khi nhận được tiền, Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong đã hạch toán là vốn góp. Tuy nhiên, việc tăng vốn điều lệ bổ sung đợt II nêu trên của Công ty không thành công. Đồng thời, theo Công văn số 243/TCT-TCKT của Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội ngày 4 tháng 3 năm 2014, Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội xác nhận khoản tiền 6 tỷ đồng mà Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội đã chuyển cho Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong ngày 30 tháng 06 năm 2010 sẽ được tính lãi từ ngày 30 tháng 06 năm 2010 đến ngày 31 tháng 07 năm 2010 và tiếp tục là khoản nợ phải trả Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội. Theo đó, khoản vốn góp của Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội tại Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong giảm và khoản Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong vay Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội tăng lên tương ứng số tiền là 6 tỷ đồng.

b. Các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính trước điều chỉnh và sau điều chỉnh*Các chỉ tiêu trên Bảng Cân đối kế toán*

TÀI SẢN	Mã số	31/12/2012 (trước điều chỉnh) VND	Số điều chỉnh VND	31/12/2012 (sau điều chỉnh) VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300			
I. Nợ ngắn hạn	310	16.801.000.000	6.000.000.000	22.801.000.000
I. Vay và nợ ngắn hạn	311	16.801.000.000	6.000.000.000	22.801.000.000
B. NGUỒN VỐN	400			
I. Vốn chủ sở hữu	410	191.831.000.000	6.000.000.000	185.831.000.000
I. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	191.831.000.000	6.000.000.000	185.831.000.000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		208.632.000.000	12.000.000.000	208.632.000.000

Các chỉ tiêu trên Báo cáo Kết quả kinh doanh

	Năm 2012 (trước điều chỉnh) VND	Số điều chỉnh VND	Năm 2012 (sau điều chỉnh) VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	(18.161.036.097)	-	(18.161.036.097)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(947)	(31)	(977)

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN QUẾ PHONG

Thị trấn Kim Sơn, huyện Quế Phong

Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Số lượng cổ phiếu đang lưu hành**

	31/12/2012 (trước điều chỉnh) VND	Số điều chỉnh VND	31/12/2012 (sau điều chỉnh) VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	44.500.000	44.500.000	44.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	19.183.100	600.000	18.583.100
- Cổ phiếu phổ thông	19.183.100	600.000	18.583.100
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.183.100	600.000	18.583.100
- Cổ phiếu phổ thông	19.183.100	600.000	18.583.100

5. SỐ LIỆU SO SÁNH

Ngoài các số liệu so sánh thay đổi do điều chỉnh hồi tố ở mục VII.4 trên đây, các số liệu so sánh khác được lấy trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán.



Đoàn Kim Đồng
Tổng Giám đốc
 Ngày 11 tháng 03 năm 2014

Trần Thị Thủy
Phó phòng kế toán

Trần Thị Thúy
Người lập